

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 387/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v “Tranh chấp ly hôn”.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Gấn
2. Bà Võ Thị Lệ

Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Lan – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên.*

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 224/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 427/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 303/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Công Thị Bích V**, sinh năm xxxx (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Đặng Thanh V1**, sinh năm: xxxx (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Nguyễn Thị Kim M**, sinh năm xxxx, (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- **Võ Thị T**, sinh năm xxxx, (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- **Nguyễn Minh V2**, sinh năm xxxx, (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- **Dương Văn N**, sinh năm xxxx, (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Công Thị Bích V trình bày:

Chị V và anh V1 do quen biết, có tìm hiểu, tự nguyện tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh chị sống chung gia đình chồng đến tháng 4 năm 2023 chị V về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị V trực tiếp bắt gặp anh V1 và người phụ nữ đó thân mật với nhau, người phụ nữ đó còn nhắn tin thách thức, chị V đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh V1 không thay đổi, chị V quá sức chịu đựng, chị không thể tiếp tục chung sống với anh V1 nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh V1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Thị Bích V3, sinh ngày xx/x/xxxx và Đặng Thanh P, sinh ngày xx/x/xxxx, hiện nay cháu V3 đang sống chung với chị V, cháu P đang sống chung anh V1. Ly hôn, chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy, giao anh V1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 30 bộ bàn ghế inox cho thuê, mua mới năm 2020 với số tiền là 53.000.000 đồng, giá trị còn lại khoảng 30.000.000 đồng. Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác. Ly hôn, chị V yêu cầu chia đôi tài sản chung, chị V xin được nhận bằng tiền và giao bàn ghế cho anh V1 được tiếp tục quản lý sử dụng. Trong quá trình tố tụng, chị V có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung, để anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết.

Về nợ chung: Chị V và anh V1 nợ chị Nguyễn Thị Kim Mai số tiền 100.000.000 đồng, nợ bà Võ Thị Thủy số tiền 40.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24 kara, nợ ông Dương Văn Nghĩa số tiền 80.000.000 đồng, nợ anh Nguyễn Minh V2 số tiền 50.000.000 đồng. Ly hôn, chị V yêu cầu chia đôi số tiền nợ cụ thể: Chị V và anh V1, mỗi người có nghĩa vụ trả chị Nguyễn Thị Kim M số tiền 50.000.000 đồng, trả bà Võ Thị T số tiền 20.000.000 đồng và 1,5 chỉ vàng 24 kara, trả ông Dương Văn N số tiền 40.000.000 đồng, trả anh Nguyễn Minh V2 số tiền 25.000.000 đồng.

* Anh Đặng Thanh V1 là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, anh V1 cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh V1 đối với yêu cầu ly hôn của chị V cho Tòa án nên không có lời trình bày của anh V1.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T xin vắng mặt, trong quá trình tố tụng có lời khai như sau: Bà T có cho chị V là con gái ruột và con rể anh V1 vay số tiền 3 chỉ vàng 24k và 40.000.000 đồng. Nay hai con ly hôn, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, để hai bên tự thỏa thuận, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị M xin vắng mặt, trong quá trình tố tụng có lời khai như sau: Chị M có cho chị V và anh V1 vay số tiền 100.000.000 đồng. Nay anh chị ly hôn, chị Mai không yêu cầu Tòa án giải quyết, để hai bên tự thỏa thuận, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Việt xin vắng mặt, trong quá trình tố tụng có lời khai như sau: Anh Việt có cho chị V và anh V1 vay số tiền 50.000.000 đồng. Nay anh chị ly hôn, anh Việt không yêu cầu Tòa án giải quyết, để hai bên tự thỏa thuận, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N xin vắng mặt, trong quá trình tố tụng có lời khai như sau: Ông N có cho chị V và anh V1 vay số tiền 80.000.000 đồng và tiền hụi còn nợ là 31.000.000 đồng. Nay anh chị ly hôn, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết, để hai bên tự thỏa thuận, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Công Thị Bích V, cho chị Công Thị Bích V được ly hôn với anh Đặng Thanh V1. Về con chung: Giao 01 con chung tên Đặng Thị Bích V3, sinh ngày 23/02/2015 cho chị Công Thị Bích V3 được tiếp tục nuôi dưỡng và giao 01 con chung tên Đặng Thanh P, sinh ngày xx/x/xxxx cho anh Đặng Thanh V1 được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đặng Thanh V1 và chị Công Thị Bích V không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Công Thị Bích V yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Đặng Thanh V1, sinh năm 1989, ngụ tại ấp C, xã K, huyện G nên đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Đặng Thanh V1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh Đặng Thanh V1 vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của anh Đặng Thanh V1 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đặng Thanh V1.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị T, Dương Văn N, Nguyễn Thị Kim M và Nguyễn Minh V có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị T, Dương Văn N, Nguyễn Thị Kim M và Nguyễn Minh V2.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Công Thị Bích V và anh Đặng Thanh V1 có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị V, căn cứ vào lời khai của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị V trực tiếp bắt gặp anh V1 và người phụ nữ đó thân mật với nhau, người phụ nữ đó còn nhắn tin thách thức, chị V đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh V1 không thay đổi, chị V quá sức chịu đựng, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh V1. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho anh V1 biết nội dung yêu cầu ly hôn của chị V, tuy nhiên anh V1 vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị V, để mặt cho chị với yêu cầu ly hôn mà vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, anh V1 không quan tâm đến kết quả giải quyết đối với quan hệ hôn nhân của anh và chị V. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V với anh V1 là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung tên Đặng Thị Bích V3, sinh ngày xx/x/xxxx và Đặng Thanh P, sinh ngày xx/x/xxxx, hiện cháu V3 đang sống chung với chị V, cháu P đang sống chung anh V1. Ly hôn, chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V3, giao anh V1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu P, anh V1, chị V không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống hiện tại của con chung, hơn nữa theo nguyện vọng của cháu V3 muốn được sống với mẹ nên cần giao cháu V3 cho chị V được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu P cho anh V1 được tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do chị V và anh V1 mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung, chị V không yêu cầu anh V1 cấp dưỡng nuôi con, anh V1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không có ý kiến hay yêu cầu gì về cấp dưỡng nên anh V1 và chị V không ai phải cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện chị V xác định tài sản chung là 30 bộ bàn ghế inox cho thuê, mua mới năm 2020 với số tiền là 53.000.000 đồng, giá trị còn lại khoảng 30.000.000 đồng. Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác. Ly hôn, chị V yêu cầu chia đôi tài sản chung, chị V xin được nhận bằng tiền và giao bàn ghế cho anh V1. Tuy nhiên trong quá trình tố tụng chị V đã có đơn rút yêu cầu về việc chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà T, ông N, chị M và anh V2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung của chị V và anh V1, để các bên tự thỏa thuận với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5] Về án phí: Chị Công Thị Bích V có yêu cầu ly hôn nên chị V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm chị V có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung nên chị V được hoàn lại tiền tạm ứng án phí DSST theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Công Thị Bích V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Công Thị Bích V và anh Đặng Thanh V1 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Đặng Thị Bích V3, sinh ngày **xx/x/xxxx** cho chị Công Thị Bích V được trực tiếp nuôi dưỡng và giao 01 con chung tên Đặng Thanh P, sinh ngày **xx/x/xxxx** cho anh Đặng Thanh V1 được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đặng Thanh V1, chị Công Thị Bích V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đặng Thanh V1, chị Công Thị Bích V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Công Thị Bích V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 675.000 đồng theo biên lai thu số 0028789 ngày 02/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Công Thị Bích V được hoàn lại số tiền 375.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và anh V1, bà T, ông Nghĩa, chị M, anh V2 được

quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND H.GCD;
- CC.THADS H.GCD;
- UBND xã Kiểng Phước, H.GCD;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh